

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST

Ngày: 07/11/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ H

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu T.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị H.**

2. Ông **Nguyễn Văn V.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị T** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố H;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thủy T** - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-KDTM ngày 26/02/2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ.**

Địa chỉ: số 22 Ngô Quyền, phường T, quận H, thành phố H; *Đại diện theo pháp luật:* Ông **Nguyễn Đình L**- Chủ tịch Hội đồng quản trị; *Đại diện theo ủy quyền:* Ông **Phạm Đức T**- Giám đốc xử lý nợ (theo Quyết định số 8356/2017/QĐ-HĐQT ngày 29/7/2014 của Chủ tịch HĐQT ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam); *Người được ủy quyền lại:* Ông **Trần Mạnh L**- cán bộ xử lý nợ NH TMCP Đại Chúng Việt Nam (theo Giấy ủy quyền số 1603/UQ-PVB ngày 19/2/2016 của Giám đốc khối xử lý nợ).

Bị đơn: **Công ty cổ phần K.**

Địa chỉ: xã T, huyện Q, thành phố H.

Do ông **Lương Văn S** chức vụ Giám đốc - *Đại diện theo pháp luật;* Mã số doanh nghiệp 0103026756 do Phòng Đăng ký kinh doanh, sở Kế hoạch Đầu tư thành phố H cấp lần đầu vào ngày 12/9/2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 21/5/2009, có mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan tới vụ án:

1. Ông **Kiều Văn T**, sinh năm 1959;

2. Bà **Trịnh Thị L**, sinh năm 1962.

Đều trú tại thôn Đ, xã T, huyện Q, thành phố H, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 8/3/2016, các bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/8/2011 Ngân hàng TMCP P, chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh H) và Công ty cổ phần K đã ký Hợp đồng hạn mức số 4308/2011/HĐHM- DN.HN (gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”); Số tiền vay: 1,000,000,000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn hiệu lực hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký; Thời hạn vay của số tiền nhận nợ mỗi lần nhận số tiền vay được ghi trên khế ước nhận nợ tối đa không quá 06 tháng; Lãi suất cho vay quy định tại thời điểm rút vốn; Mức lãi suất được quy định cụ thể trên phiếu nhận nợ; Lãi suất nợ quá hạn quy định theo Khế ước nhận nợ tại thời điểm rút vốn vay; Phương thức trả nợ trả nợ gốc và lãi vay; Trả nợ gốc được trả cuối kỳ sau 06 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu tiên; Trả lãi vay trả hàng tháng sau 01 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu tiên.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Kiều Văn T và bà Trịnh Thị L đã thế chấp tài sản là: *Bất động sản thửa số 250, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện Q, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 832649; Sổ vào sổ cấp GCN CH 857 do UBND huyện Q, thành phố H cấp ngày 15/06/2010 cho ông Kiều Văn T theo Hợp đồng thế chấp số 4308/2011/HĐTC-DN.HN ký ngày 31/8/2011. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng T, 54 T, quận H, TP H đăng ký giao dịch dân sự đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.*

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty K 1,000,000,000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 16/3/2012. Kể từ thời điểm Ngân hàng giải ngân, Công ty K đã vi phạm nội dung Hợp đồng tín dụng số 4308/2011/HĐHM-DN.HN, không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của bên vay. Đến nay Công ty mới trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 315,639,304 đồng. Ngân hàng đã có nhiều văn bản thông báo, làm việc trực tiếp nhiều lần với ông Lương Văn S giám đốc Công ty về khoản nợ. Tuy nhiên, Công ty K vẫn không có bất kỳ động thái hay đề xuất về hướng trả nợ cho Ngân hàng mà tìm mọi cách để trì hoãn thời gian trả nợ kể cả biện pháp thu giữ TSBĐ của Ngân hàng, Công ty K và bên thế chấp không hợp tác và trả nợ theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4308; Khế ước nhận nợ ngày 16/3/2012.

Dư nợ tính đến ngày 31/3/2019 của Công ty K như sau:

- **Nợ gốc: 733.802.557 đồng;**
- **Lãi trong hạn : 599.525.301 đồng;**
- **Lãi quá hạn: 700.577.077 đồng;**
- **Lãi phạt quá hạn trên lãi: 328.903.465 đồng;**
- **Tổng nợ: 2.362.808.400 đồng;**

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty K thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Cụ thể:

1- Đề nghị Tòa án buộc Công ty K thanh toán cho ngân hàng số tiền là: **2.362.808.400 đồng** bao gồm: **733.802.557 đồng** nợ gốc và nợ lãi: **1.629.005.843 đồng**; (tính đến hết ngày 31/3/2019) và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt được thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 4308, Khế ước nhận nợ ngày 16/3/2012 và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 1/4/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2- Kể từ ngày Quyết định/ Bản án có hiệu lực pháp luật Công ty K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo số dư nợ tại quyết định/bản án và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

3- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty K đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Quốc Oai vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông Lương Văn S đại diện theo pháp luật của công ty K trình bày:

Ngày 31/8/2011 Ngân hàng P, chi nhánh H (nay là NH TMCP Đ, chi nhánh H) và Công ty CP K đã ký Hợp đồng hạn mức số 4308/2011/HĐHM-DN.HN (gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”), số tiền vay: 1,000,000,000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn hiệu lực hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày kí; Thời hạn vay của số tiền nhận nợ mỗi lần nhận số tiền vay được ghi trên khế ước nhận nợ tối đa không quá 06 tháng; Lãi suất cho vay quy định tại thời điểm rút vốn; Mức lãi suất được quy định cụ thể trên phiếu nhận nợ; Lãi suất nợ quá hạn quy định theo Khế ước nhận nợ tại thời điểm rút vốn vay; Phương thức trả nợ trả nợ gốc và lãi vay; Trả nợ gốc được trả cuối kỳ sau 06 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu tiên; Trả lãi vay trả hàng tháng sau 01 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu tiên.

Để đảm bảo cho khoản vay, tôi và vợ tôi đã thế chấp tài sản là bất động sản như Ngân hàng đã trình bày ở trên.

Sau khi vay vốn, do việc kinh doanh không thuận lợi nên Công ty mới trả được số tiền là 315.639.304 đồng. Trong đó nợ gốc là 216.192.082 đồng, nợ lãi là 99.447.222 đồng. Tính đến ngày 31/3/2019 Công ty còn nợ ngân hàng số tiền là 2.362.808.400 đồng. Nay do tình hình kinh tế khó khăn công ty không còn hoạt động, không có nguồn để thanh toán cho ngân hàng vì vậy đề nghị Ngân hàng phát mại tài sản để thanh toán khoản nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiều Văn T trình bày: :

Ngày 31/8/2011, Công ty Cổ phần K ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 4308/2011/HĐHM-DN.HN với Ngân hàng cổ phần TCMP P.

Để đảm bảo khoản vay, vợ chồng tôi đã thế chấp tài sản là BĐS tại thửa số 250, tờ bản đồ số 04, có địa chỉ tại thôn Đ, xã T, huyện Q, thành phố H của gia đình tôi để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty K. Đến nay ngân hàng

khởi kiện, Công ty K không trả được nợ cho ngân hàng, vợ chồng tôi đồng ý phát mại tài sản trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị L trình bày:

Tôi có ý kiến trình bày giống ông Kiều Văn T nêu trên, ngoài ra tôi có bổ sung thêm ý kiến như sau: Do công ty K làm ăn khó khăn mới trả được một phần nợ cho ngân hàng, đến nay còn nợ phần gốc là 733.802.557 đồng, lãi là 1.629.005.843 đồng. Tổng số nợ là 2.362.808.400 đồng trong đó có lãi phạt quá hạn trên lãi là 328.903.465 đồng. Tôi có ý kiến là phần lãi phạt này là không đúng pháp luật vì như vậy là lãi chồng lãi. Vì vậy tôi đề nghị ngân hàng xem xét lại phần lãi này và theo tôi thì ngân hàng phải bỏ phần lãi phạt này mới đúng. Mặc dù ông S là giám đốc công ty và ông T là chồng tôi đã đồng ý ký vào biên bản hòa giải thành nhưng với tôi vì là tài sản của vợ chồng tôi cho ông S mượn để thế chấp và có bỏ phần lãi phạt này thì ông S mới có thể trả được. Do vậy, ý kiến của tôi là xin toàn bộ lãi, công ty K chỉ trả phần gốc; Khi phát mại tài sản thì ưu tiên gia đình tôi được mua trước. Trường hợp ông S không có tiền chuộc lại nhà đất thì vợ chồng tôi sẽ chuộc lại để con cái có chỗ ở. Nếu Ngân hàng không đồng ý rút lãi phạt quá hạn trên lãi thì đề nghị hội đồng xét xử bác yêu cầu này của ngân hàng.

Tại phiên tòa Đại diện Ngân hàng TMCP Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Q phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Q từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử Thẩm phán, thư ký Tòa án đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ điều 466, 468 Bộ luật dân sự và điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu một phần khởi kiện của nguyên đơn. Riêng phần lãi phạt là lãi chồng lãi nên đề nghị HĐXX bác yêu cầu của nguyên đơn đồng thời nguyên đơn phải chịu án phí phân yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án phát sinh từ Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ và Công ty cổ phần K, địa chỉ: xã T, huyện Q, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1, điều 35; điểm b khoản 1 điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung áp dụng luật giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP P, chi nhánh H (nay là NH TMCP Đ, chi nhánh H) và Công ty CP K đã ký Hợp đồng hạn mức số 4308/2011/HĐHM- DN.HN ngày 31/8/2011. Như vậy, hợp đồng cho vay đã được hai bên giao kết và thực hiện trước ngày 01/01/2017. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án: tại hợp đồng Hợp đồng hạn mức số 4308/2011/HĐHM- DN.HN ngày 31/8/2011 giữa Ngân hàng TMCP P, chi nhánh H và Công ty CP K vay tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Để đảm bảo khoản vay ông Kiều Văn T và bà Trịnh Thị L đã ký với Ngân hàng TMCP Đ thế chấp tài sản là bất động sản thửa số 250, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện Q, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 832649, số vào sổ cấp GCN CH 857 do UBND huyện Q, thành phố H cấp ngày 15/06/2010 cho ông Kiều Văn T theo Hợp đồng thế chấp số 4308/2011/HĐTC-DN.HN ký ngày 31/8/2011 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty K. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng T, 54 T, quận H, TP H đăng ký dân sự bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Việc ký kết hợp đồng, tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp đều trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên. Căn cứ điều 389 bộ luật dân sự 2005 Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ và Công ty K là hợp pháp. Vì vậy các bên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ:

Ngân hàng yêu cầu Công ty K thanh toán số tiền là: **Nợ gốc: 733.802.557 đồng; Lãi trong hạn: 599.525.301 đồng; Lãi quá hạn: 700.577.077 đồng; Lãi phạt quá hạn trên lãi: 328.903.465 đồng; Tổng nợ: 2.362.808.400 đồng(tính đến hết ngày 31/3/2019)** và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt được thỏa thuận theo hợp đồng hạn mức số 4308/2011/HĐHM- DN.HN ngày 31/8/2011 và Khế ước nhận nợ ngày 16/3/2012 kể từ ngày 01/4/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tòa xét thấy phần lãi phạt quá hạn trên lãi 328.903.465 đồng là lãi chồng lãi không đúng căn cứ pháp luật nên bác yêu cầu này. Buộc Công ty K phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là **733.802.557 đồng**, lãi trong hạn **599.525.301 đồng**, lãi quá hạn **700.577.077 đồng**, tổng là **2,033,904,935 đồng** và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2019 cho đến khi Công ty K tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Kiều Văn T và bà Trịnh Thị L đã thế chấp tài sản là bất động sản thửa số 250, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện Q, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 832649, số vào sổ cấp GCN CH

857 do UBND huyện Q, thành phố H cấp ngày 15/06/2010 cho ông Kiều Văn T theo Hợp đồng thế chấp số 4308/2011/HĐTC-DN.HN ký ngày 31/8/2011 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty K. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng T, 54 T, quận H, TP H đăng ký dân sự bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, nếu Công ty K không thanh toán đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành phát mại tài sản bảo đảm.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty K với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty K vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng

Tài sản bảo đảm trên là tài sản hợp pháp của ông Kiều Văn T và bà Trịnh Thị L. Các bên thực hiện giao dịch bảo đảm tự nguyện, đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung của hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba, các bên đã thực hiện đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất T, quận H ngày 31/8/2011 đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba là hợp pháp, có giá trị thi hành.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận phải chịu án phí theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 355; Điều 471; 472; 473; 474; 475; 476 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện ngày 8/3/2016 của Ngân hàng TMCP Đ:

- Buộc Công ty Cổ phần Thương mại K phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng hạn mức số 4308/2011/HĐHM- DN.HN ngày 31/8/2011 và Khế ước nhận nợ ngày 16/3/2012 số tiền gốc là **733.802.557** đồng, lãi trong hạn **599.525.301** đồng, lãi quá hạn **700.577.077** đồng, tổng là **2,033,904,935** đồng (*tính đến ngày 31/3/2019*).

- Buộc Công ty K tiếp tục phải trả Ngân hàng TMCP Đ tiền nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng Hạn mức số 4308/2011/HĐHM- DN.HN ngày 31/8/2011 và Khế ước nhận nợ ngày 16/3/2012 kể từ ngày 01/4/2019. *(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng*

cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh theo lãi suất của ngân hàng cho vay).

- Trường hợp Công ty K không trả nợ hoặc trả không đủ tiền nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Tài sản bảo đảm là bất động sản thửa số 250, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện Q, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 832649, sổ vào sổ cấp GCN CH 857 do UBND huyện Q, thành phố H cấp ngày 15/06/2010 cho ông Kiều Văn T theo Hợp đồng thế chấp số 4308/2011/HĐTC-DN.HN ký ngày 31/8/2011 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty K. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng T, 54 T, quận H, TP H đăng ký dân sự bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty K.

Bác yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ buộc Công ty K phải thanh toán khoản lãi phạt quá hạn trên lãi 328.903.465 đồng (ba trăm hai mươi tám triệu chín trăm linh ba nghìn bốn trăm sáu lăm đồng).

Về án phí: Công ty K phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 72.681.000 đồng (Bảy mươi hai triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP Đ phải chịu án phí, kinh doanh thương mại sơ thẩm phần không được chấp nhận là 16.445.000 đồng: Đã nộp 27.278.000 đồng theo biên lai thu số 0010673 ngày 21/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, thành phố H. Hoàn trả ngân hàng TMCP Đ: 10.833.000 đồng (mười triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q;
- Tòa án TP H;
- Thi hành án huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu T